

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 24-02-2025.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm.

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L (L1);

Địa chỉ: LBP T, Số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch HĐQT L1.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Minh N, sinh năm: 1989 - Tổ trưởng KHCN - Phòng giao dịch huyện C.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm: 1991 – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: C Đại Lộ Đ, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông Dương Lê M, sinh năm: 1995- Phó giám đốc – Phòng giao dịch huyện C.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Theo quyết định về việc ủy quyền số 636 ngày 08/10/2024 và giấy ủy quyền số 1330 ngày 23/12/2024).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Trúc Đ, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số C ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Như Ý, ông Minh N có mặt, bị đơn dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

1. Tóm tắt khoản vay:

1.1. Theo Hợp đồng vay vốn bà Huỳnh Thị Trúc Đ có vay vốn tại Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh B - P (trước là Ngân Hàng TMCP B1 – chi nhánh B) theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD22A2023110 ký ngày 22/03/2023 cụ thể như sau:

Số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: bốn trăm triệu đồng).

Thời hạn cho vay: 12 tháng tháng kể từ ngày 23/03/2023 đến hết ngày 15/03/2024:

Lãi suất: 12%/năm;

Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn:

Lãi suất nợ chậm trả lãi do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất cây kiềng (M1 vàng) và Sản xuất cây giống (Bưởi da xanh);

Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 15/03/2024.

- Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 15 của các tháng 6, 9 và 12 của năm 2023 theo thực tế. Kỳ trả lãi cuối cùng vào ngày 15/03/2024

1.2. Theo hạn mức thẻ tín dụng:

Bà Huỳnh Thị Trúc Đ đăng ký và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 28/10/2022, cụ thể như sau:

Loại thẻ: JCB STANDARD và VISA STANDARD

Hạn mức: 30.000.000 đồng (Bằng chữ. Ba mươi triệu đồng)

Mục đích sử dụng: Tiêu dùng.

Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế được công bố trên website www.L1.com.vn của Ngân hàng.

2. Tài sản đảm bảo khoản vay: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thế chấp thuộc thửa đất số 568, tờ bản đồ số 18 tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 407129 số vào số cấp GCN: CS10549 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2022. Chủ tài sản: bà Huỳnh Thị Trúc Đ.

(Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC2242023086 ngày 21/03/2023, công chứng tại Văn phòng C, sử công chứng: 1992. Quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký Giao dịch đảm bảo ngày 21/03/2023 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre).

3. Thực hiện Hợp đồng:

Đối với Hợp đồng vay vốn. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Huỳnh Thị Trúc Đ theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 22A2023110/01 ký ngày 22/03/2023 với số tiền đã giải ngân là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Đối với hạn mức thẻ tín dụng, ngày 30/06/2021, Ngân hàng đã tiến hành bàn giao và kích hoạt thẻ tín dụng loại JCB STANDARD và VISA STANDARD với số thẻ là 356587*****8608 và 480246*****9899 cho bà Huỳnh Thị Trúc Đ sở hữu, sử dụng theo các thỏa thuận đã ký kết.

Tuy nhiên đến nay (ngày 21/02/2025), bà Huỳnh Thị Trúc Đ chỉ thanh toán được cho Ngân hàng tiền gốc là 50.036 đồng (Bằng chữ: Năm mươi nghìn không trăm ba mươi sáu đồng), bà Huỳnh Thị Trúc Đ chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023110 ký ngày 22/03/2023. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở bà Huỳnh Thị Trúc Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Huỳnh Thị Trúc Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại hợp đồng đã ký.

Bà Huỳnh Thị Trúc Đ đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng tín dụng đã ký. Không thanh toán nợ đúng hạn, không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng để trả nợ.

Trước đây, Ngân hàng TMCP L- chi nhánh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và khoản nợ theo hạn mức thẻ tín dụng đã cấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ngân hàng TMCP L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ khoản thẻ tín dụng của bà Đ, Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Đ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể như sau:

1. Ngân hàng TMCP L (L1) yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Trúc Đ trả cho Ngân hàng TMCP L (L1) – chi nhánh B tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2025 là 496.532.500 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc là 399.949.964 đồng
- Nợ lãi: 14.076.197 đồng.
- Nợ lãi chậm trả gốc: 81.345.536 đồng.
- Nợ lãi chậm trả lãi: 1.160.803 đồng.

2. Bà Huỳnh Thị Trúc Đ tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong từng Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ mà bà Huỳnh Thị Trúc Đ đã ký kết với Ngân hàng.

3. Trường hợp bà Huỳnh Thị Trúc Đ không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm (thế chấp) để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản thế chấp là toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 568, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 407129 số vào sổ cấp GCN: CS10549 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2022 cho bà Huỳnh Thị Trúc Đ đứng tên quyền sử dụng đất.

4. Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi vẫn không đủ để thu hồi khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh và xử lý tài sản liên quan khác của bà Huỳnh Thị Trúc Đ để tiếp tục thu hồi nợ đến khi tất toán khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ hạn mức thẻ tín dụng của bà Đ.

Ngân hàng xác định chỉ cho một mình bà Đ vay tiền, khi vay bà Đ không có chồng, Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà Đ trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với ai khác.

Khi cho vay Ngân hàng có tiến hành thủ tục thẩm định tài sản thế chấp theo đúng quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà ông Nguyễn Minh N trịnh bày: Ông thống nhất với ý kiến yêu cầu của bà Nguyễn Thị Như Ý, không bổ sung thêm.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc Đ: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy mời tham gia phiên tòa họp lệ nhiều lần nhưng bà Đ đều vắng mặt, không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Đ không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa bà Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

- Căn cứ vào nội dung hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023110 ký ngày 22/03/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 2242023110/01 ký ngày 22/03/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC2242023086 ngày 21/03/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L với bà Huỳnh Thị Trúc Đ.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 317 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”. Theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, mục đích vay tiền của bà Đ là để Sản xuất cây kiểng (M1 vàng) và Sản xuất cây giống (Bưởi da xanh); bà Đ không có đăng ký kinh doanh. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023110 ký ngày 22/03/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 2242023110/01 ký ngày 22/03/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L với bà Huỳnh Thị Trúc Đ có nội dung thể hiện bà Đ có vay của Ngân hàng số tiền: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: bốn trăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 21/02/2025, bà Huỳnh Thị Trúc Đ chỉ thanh toán được cho Ngân hàng tiền gốc là 50.036 đồng (Bằng chữ: Năm mươi nghìn không trăm ba mươi sáu đồng). Bà Huỳnh Thị Trúc Đ không thanh toán được toàn bộ số tiền gốc cho Ngân hàng và tiền lãi theo quy định là vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký.

Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Ngân hàng yêu cầu bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay với số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2025 là 496.532.500 đồng (trong đó gồm: Nợ gốc là 399.949.964 đồng, nợ lãi: 14.076.197 đồng, nợ lãi chậm trả gốc: 81.345.536 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 1.160.803 đồng) là có cơ sở và đúng quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được xem xét chấp nhận.

[4]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số HĐTC2242023086 ngày 21/03/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L với bà Huỳnh Thị Trúc Đ là để đảm bảo cho khoản nợ vay của bà Đ đối với ngân hàng. Hợp đồng thế chấp này được các bên tự nguyện ký kết, được công chứng tại Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/03/2023 tại chi nhánh V đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre. Như vậy, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 119, 298, 299, 319 và Điều 320 của BLDS 2015 nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thực hiện.

[5]. Ngân hàng TMCP L rút yêu cầu khởi kiện đối với hạn mức thế tín dụng bà Đ đã ký với Ngân hàng, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên được chấp nhận.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.861.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng), bà Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 207, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 119, 298, 299, 317, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L đối với bà Huỳnh Thị Trúc Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Trúc Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2025 là 496.532.500 đồng (bốn trăm chín mươi sáu triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó gồm: Nợ gốc là 399.949.964 đồng, nợ lãi: 14.076.197 đồng, nợ lãi chậm trả gốc: 81.345.536 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 1.160.803 đồng.

3. Bà Huỳnh Thị Trúc Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023110 ký ngày 22/03/2023, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 2242023110/01 ký ngày 22/03/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L với bà Huỳnh Thị Trúc Đ.

4. Trường hợp bà Huỳnh Thị Trúc Đ không thanh toán hết các khoản nợ vay theo hợp đồng nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần L thì Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là “Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 568, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS10549 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2022 cho bà Huỳnh Thị Trúc Đ để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Huỳnh Thị Trúc Đ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần L. Nếu số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà Huỳnh Thị Trúc Đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần L thì bà Huỳnh Thị Trúc Đ có trách nhiệm cùng tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả hết khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần L.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L đối với bà Huỳnh Thị Trúc Đ về việc tranh chấp khoản vay theo hạn mức thẻ tín dụng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Trúc Đ có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 23.861.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.557.000đ (hai mươi một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0005808 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

7. Quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Diễm